

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - T- do - Hạnh phúc

Bản án: 60/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25 / 7 / 2019

V/v : “*Tranh chấp hôn nhân*

và gia đình- xin ly hôn”

NHÂN DANH

NHÀ QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tám

- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam

2. Bà Trần Ngọc Diệp

- *Th- ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung-Th- ký Tòa án nhân dân huyện R.

- *Đại diện-Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:* Không tham gia

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đ- a ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 258/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình-xin ly hôn*” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đ- ơng sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thanh V, sinh năm: 19792 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang

- *Bị đơn:* Anh Bùi Hoàng H, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: kh phố 3, thị trấn G, huyện R, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, chị Lý Thanh V nh- sau: Chị và anh Bùi Hoàng H tự tìm hiểu và tổ chức đám c- ới vào ngày 05 tháng 5 năm 1998, không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung

sống hạnh phúc dần về sau thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không còn phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Xét thấy tiếp tục chung sống không có hạnh phúc nên chị V yêu cầu đ-ợc ly hôn với anh Bùi Hoàng H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Lý Ph-ơng N, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1999 và Bùi Lý Ph-ơng P, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2001, các con nay đã lớn, chị Lý Thanh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Hoàng H trình bày: Lời trình bày của chị Lý Thanh V anh Bùi Hoàng H xác định là hoàn toàn đúng và anh Bùi Hoàng H đồng ý ly hôn với chị V, về phần con cái đã lớn, anh Bùi Hoàng H không yêu cầu Tòa án giải quyết, về phần tài sản và nợ, không có, anh Bùi Hoàng H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Anh Bùi Hoàng H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn đối với anh Bùi Hoàng H tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đ-ơng sự tự thỏa thuận với nhau đối với hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn về phần con cái và đ-ợc chị Lý Thanh V và anh Bùi Hoàng H thống nhất nh- sau: Nay con cái đã lớn, cả hai đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.2] Tại phiên tòa hôm nay, chị Lý Thanh V giữ nguyên yêu cầu là xin được ly hôn với anh Bùi Hoàng H, về con cái chị V xác định con đã lớn không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Bùi Hoàng H vắng mặt tại phiên tòa và qua quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Hoàng H cũng xác định nh- chị Lý Thanh V là con đã lớn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ giữa chị Lý Thanh V và anh Bùi Hoàng H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 và sinh đ-ợc 02 đứa con chung nhưng do không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 14 như sau:

“Khoản 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này...”

Như vậy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị Lý Thanh V và anh H không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Tòa án có căn cứ để xử không công nhận giữa chị Lý Thanh V với anh Bùi Hoàng H là vợ chồng.

[3] Về con chung có 02 con chung tên Bùi Lý Ph-ơng N, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1999 và Bùi Lý Ph-ơng P, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2001, nay các con đã lớn, anh Bùi Hoàng H và chị Lý Thanh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc chị Lý Thanh V và anh H không có yêu cầu, nghĩ nên miễn xét.

[4] Về tài sản và nợ: Không có, miễn xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lý Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Lý Thanh V đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001308, ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Xử không công nhận giữa chị Lý Thanh V với anh Bùi Hoàng H là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 đứa con chung tên Bùi Lý Ph-ơng N, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1999 và Bùi Lý Ph-ơng P, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2001, chị Lý Thanh V và anh Bùi Hoàng H không có yêu cầu, nghĩ nên miễn xét.

3. Về tài sản và nợ: Không có, miễn xét

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử buộc chị Lý Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Lý Thanh V đã nộp là 300.000đ

(ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001308, ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị Lý Thanh V biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 25 tháng 7 năm 2019, anh Bùi Hoàng H được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trở hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh, huyện G;
- Chi cục thi hành án G;
- UBND xã, thị trấn G;
- Phòng T- pháp G;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Tám